

Bản án số: 67/2018/DS-ST
Ngày: 22 - 10 -2018
“tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cù Quý Nữ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiên**

2. Ông **Nguyễn Tùng Châu**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Khôi** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Yến Nhi** - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2018/TLST- DS ngày 19 tháng 7 năm 2018 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 731/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị R**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số A, đường B, Khóm C, Phường D, Tp V, tỉnh Vĩnh Long

-Bị đơn: Bà **Võ Ngọc D**, sinh năm 1972 (vắng)

Địa chỉ: Số A1, đường B, Khóm C, Phường D, Tp V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/6/2018 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà R trình bày:

Ngày 10/5/2017 bà có cho bà D vay số tiền 11.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, 11 triệu đồng thì mỗi tháng trả 1.100.000đ, khi nào lấy lại vốn thì thông báo cho bà D trước 01 tháng. Do bà D không đóng lãi theo thỏa thuận nên sau khi cho bà D vay 02 tháng thì bà báo với bà D bà muốn lấy lại vốn, trước đây bà có nhờ Ủy ban Phường 8 giải quyết, khi đó bà D không có ở nhà, con bà D là chị H có hứa sẽ trả tiền nhưng cũng không thực hiện. Nay thời gian nợ đã lâu nên bà khởi kiện yêu cầu bà D trả số tiền nợ vốn 11.000.000đ và lãi suất 20%/năm từ ngày 10/7/2018 đến ngày 10/5/2018.

Tòa án đã ra thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt hợp lệ cho bà D theo đúng quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nhưng bà D vắng mặt nên không tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa bà R yêu cầu bà D trả số tiền vốn 11.000.000đ và lãi suất tính lãi suất 20%/năm từ ngày 10/01/2018 đến ngày 10/10/2018, bà đồng ý khấu trừ tiền lãi 500.000đ mà bà đã nhận của bà D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: buộc bà D trả bà R số tiền vốn 11.000.000đ và lãi suất 20%/năm từ ngày 10/01/2018 đến ngày 10/10/2018, án phí bà D chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà R và bà D tranh chấp số tiền vay 11.000.000đ, nên đây là tranh chấp dân sự về vay tài sản. Bị đơn có địa chỉ và hiện còn đang sinh sống trên địa bàn thành phố Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập họp lệ bà D đến Tòa để dự phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như triệu tập bà D tham gia phiên tòa theo đúng quy định pháp luật nhưng các lần triệu tập bà D đều vắng mặt do đó căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án quyết định xét xử vắng mặt bà D.

[2] Về áp dụng quy định pháp luật: giao dịch giữa bà R và bà D thực hiện ngày 10/5/2017 đó đó áp dụng quy định của BLDS 2015 và văn bản có liên quan để giải quyết.

[3] Xét lời trình bày của bà R: bà có yêu cầu địa phương hòa giải vụ việc này, nhưng lúc đó bà D không đi, chị Nguyễn Thị Thanh H là con của bà D có hứa sẽ chịu thay trách nhiệm trả nợ của mẹ nhưng thực tế chị H cũng chưa thực hiện nghĩa vụ thay thế, trường hợp này không được xem là chuyển giao nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 370 BLDS 2015 bởi thỏa thuận cho vay thực hiện bằng văn bản, nên thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ cũng phải được thực hiện bằng văn bản có sự đồng ý của người có nghĩa vụ (bà D), người thay thế nghĩa vụ (chị H), người có quyền (bà R) do đó thỏa thuận mới không thay thế nghĩa vụ ban đầu của bà D đối với bà R, đồng thời đến nay bên có nghĩa vụ chưa thực hiện được nghĩa vụ trả nợ do đó căn cứ vào biên nhận thì bà R khởi kiện bà D là có căn cứ.

[4] Về nội dung: Ngày 10/5/2017 bà D có vay của bà R số tiền 11.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, không có thời hạn, khi nào cần thì bà R sẽ báo trước 01 tháng để bà D lo thanh toán, đây là sự việc thực tế có xảy ra được chứng minh bằng Biên nhận bà D có ký tên, ghi họ tên. Theo lời trình bày của bà R thì bà đã yêu cầu bà D trả tiền vốn, lãi từ tháng 01/2018 nhưng đến nay bà D vẫn chưa trả. Tòa án đã thông báo nội dung vụ kiện, triệu tập bà D đến Tòa án để giải quyết vụ việc nhưng bà D không đến Tòa, cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về việc bị kiện do đó Hội đồng xét xử chấp nhận theo lời trình bày cũng như các tài liệu chứng cứ mà bà R xuất trình, buộc bà D có nghĩa vụ trả bà R số tiền 11.000.000đ là phù hợp theo quy định tại các Điều 463,466,469 BLDS 2015.

[5] Xét về yêu cầu tính lãi: bà R yêu cầu tính theo mức lãi suất 20%/năm từ ngày từ ngày 10/01/2018 đến ngày 10/10/2018 là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015, đồng thời lẽ ra bà R được quyền yêu cầu tính lãi suất từ lúc bà D vay đến ngày Tòa án xét xử nhưng bà R chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 10/01/2018 đến ngày 10/10/2018 là có lợi cho bà D nên chấp nhận yêu cầu này của bà R.

Số tiền lãi: $11.000.000đ \times 20\%/năm$ (tương đương: $1,66\%/tháng$) $\times 09$ tháng = 1.643.400đ – 500.000đ (bà R nhận của bà D) = 1.143.400đ.

Án phí dân sự sơ thẩm: bà D phải chịu án phí 5%/số tiền bị buộc trả. Bà R không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463,466,468,469 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R.

Buộc bà Võ Ngọc D có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị R số tiền 11.000.000đ và 1.143.400đ lãi, tổng cộng 12.143.400đ (*mười hai triệu một trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 468 BLDS 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà D phải chịu 607.000đ (*sáu trăm lẻ bảy ngàn đồng*).

Bà R không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả bà R số tiền đã nộp tạm ứng án phí 357.000đ (*ba trăm năm mươi bảy ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0003440 ngày 03/7/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà D vắng mặt nên được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND TP Vĩnh Long: 01b;
- CC THSDS TP Vĩnh Long: 01b;
- Đương sự: 02b;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

CÙ QUÝ NỮ